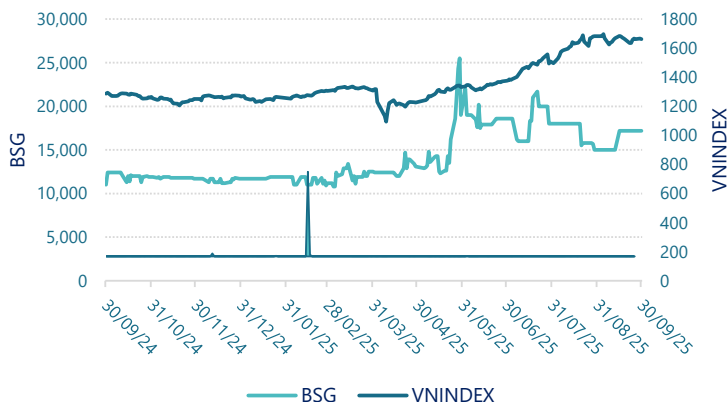




CTCP Xe khách Sài Gòn (UPCOM: BSG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,800
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,032
P/E	39.3
EPS	438

DT thuần

Q3/25

110

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -4.9%

YoY: ▼39.0 | -26.0%

LN sau thuế

Q3/25

2.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.09 | -72.1%

YoY: ▼5.86 | -71.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.1%

+/- YoY: ▼ 3.4%

DT thuần

9T 2025

338

tỷ VNĐ

YoY: ▼129 | -27.8%

LN sau thuế

9T 2025

12.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.6 | -60.2%

ROE

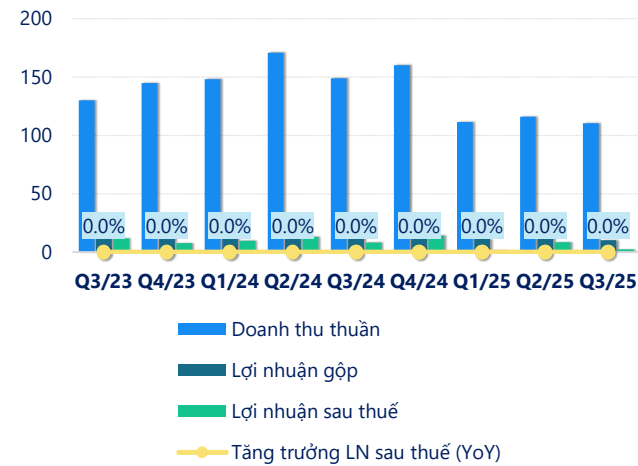
Q3/25

7.0%

+/- YoY: ▼ 4.3%

tỷ VNĐ

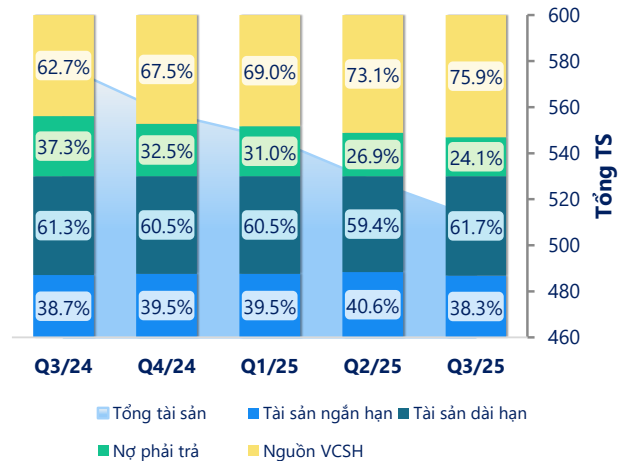
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

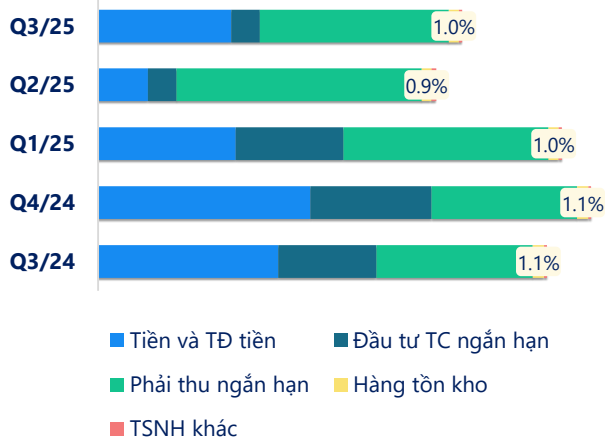
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



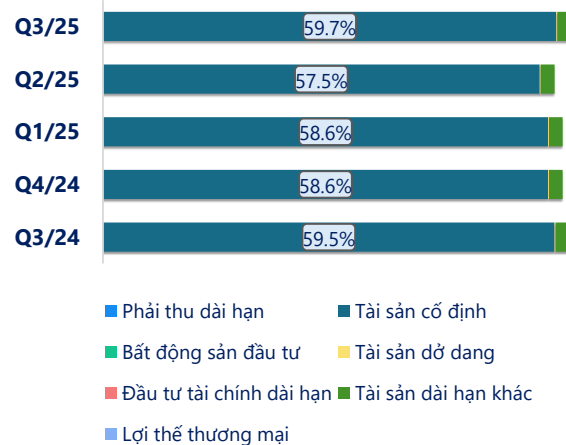
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

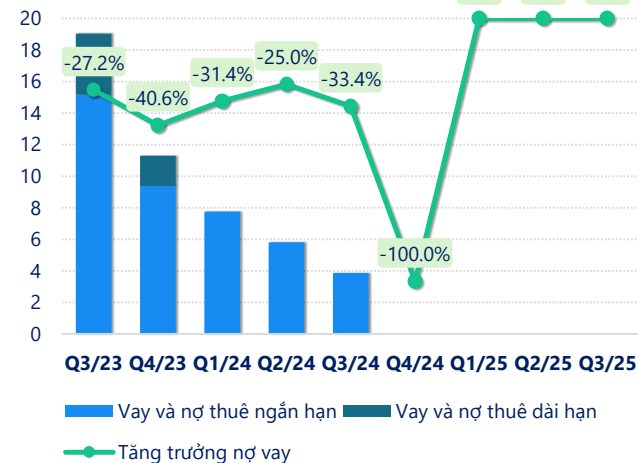
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

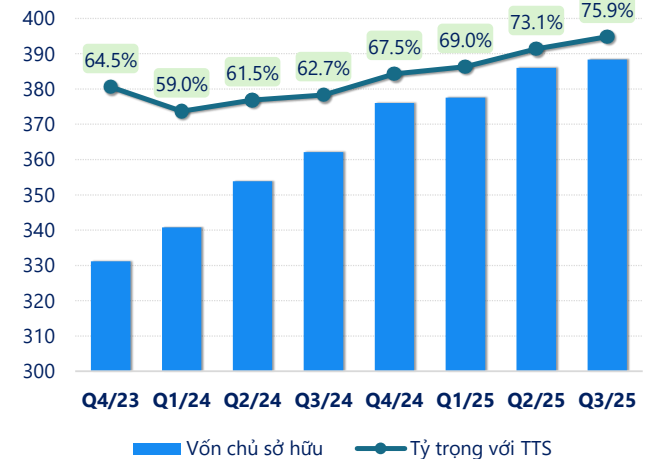
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

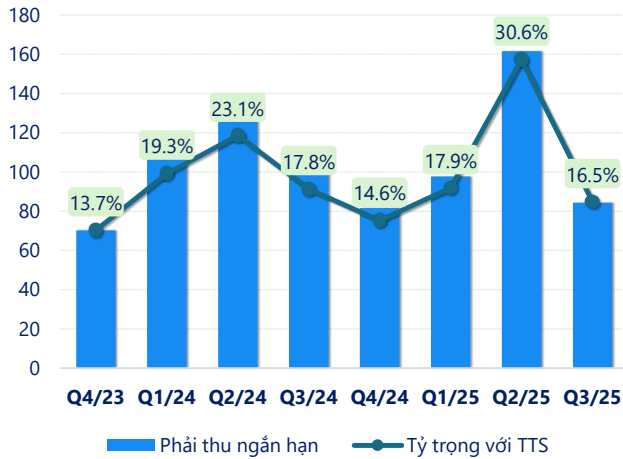
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


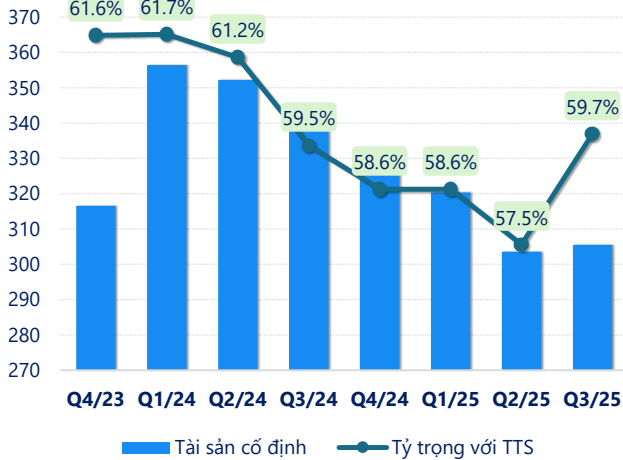
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

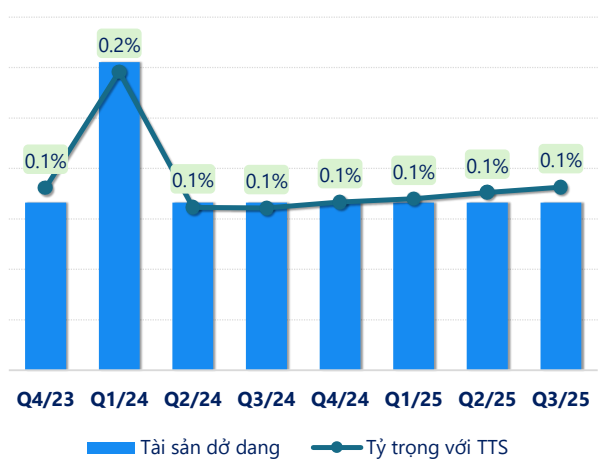

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

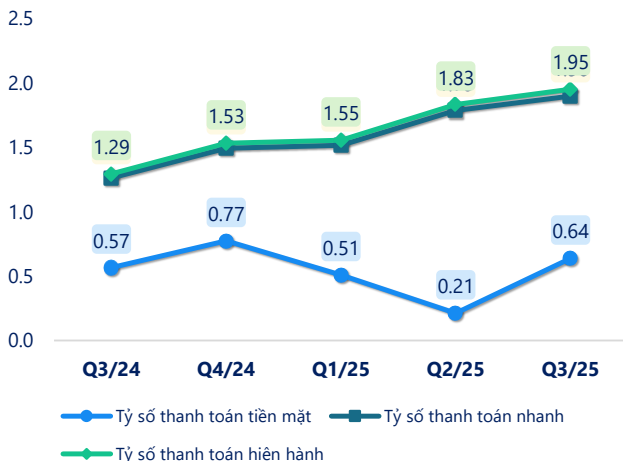
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

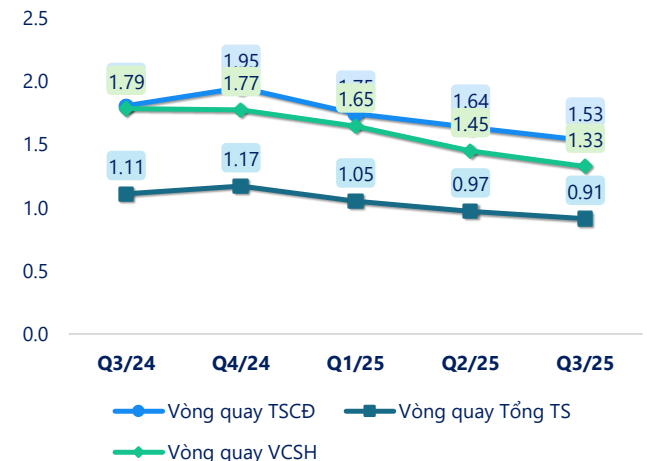
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	578	557	547	528	512
Tài sản ngắn hạn	223	220	216	214	196
Tiền và tương đương tiền	97.9	111	70.8	24.8	64.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.5	20.7	40.7	20.5	40.5
Phải thu ngắn hạn	103	81.5	97.6	162	84.3
Hàng tồn kho	5.51	5.44	5.37	5.51	5.34
Tài sản ngắn hạn khác	1.82	1.22	1.45	1.85	1.97
Tài sản dài hạn	354	337	331	314	316
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	344	327	320	304	306
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.66	0.66	0.66	0.66	0.66
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.2	10.0	9.81	9.64	9.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	216	181	169	142	124
Nợ ngắn hạn	173	144	139	117	101
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.88	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	88.1	70.4	80.0	68.6	46.9
Nợ dài hạn	43.2	37.6	30.3	25.2	22.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	362	376	378	386	388
Vốn chủ sở hữu	362	376	378	386	388
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)